

CÔNG TY CỔ PHẦN
CAPITAL HOSPITALITYCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP One Capital Hospitality (mã CK: OCH) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty CP One Capital Hospitality

- Mã chứng khoán: OCH
- Địa chỉ: Tầng 23, tòa nhà Leadvisors, 643 Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0243 783 0101 Fax: 0243 783 0202
- Email: info@och.vn Website: <http://och.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC soát xét bán niên năm 2024

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên, có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC riêng và BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có☒ Không

☐ Có

☐ Không

x **Có**

☐ Không

x **Có**

☐ Không

x **Có**

☐ Không

x **Có**

☐ Không

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ.

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng, hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 đã soát xét;

- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận trước sau kiểm toán.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đình Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần One Capital Hospitality trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần One Capital Hospitality (tên gọi cũ là “Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH”) tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 17 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/05/2022.

Tên tiếng anh: One Capital Hospitality Joint Stock Company.

Tên viết tắt: OCH JSC.

Vốn điều lệ theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 10/05/2022 là: 2.000.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai nghìn tỷ đồng*).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã OCH. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu OCH thuộc diện duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 342/QĐ-SGDHN và Thông báo số 1672/TB-SGDHN ngày 04/04/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thu Hằng	Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)
Ông Nguyễn Chính Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/05/2024)
Ông Huỳnh Minh Việt	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)
Ông Nguyễn Dũng Minh	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)
Bà Hoàng Thị Thùy Vân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/05/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Dương Thị Mai Hương	Trưởng ban (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)
Bà Lê Thị Bích Hạnh	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc
Ông Hà Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số: 349/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần One Capital Hospitality

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần One Capital Hospitality, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tới Thuyết minh số 5.7 và thuyết minh số 5.17, trong đó mô tả chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lũy kế đến ngày 30/6/2024 của Dự án Starcity Airport là 218.295.997.573 đồng. Dự án này được hợp tác với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Đại Dương Xanh (nay là Công ty TNHH Pegasus Thăng Long "Pegasus Thăng Long"), số tiền nhận góp vốn đầu tư đến ngày 30/6/2024 là 116.042.770.800 đồng. Toàn bộ chi phí phát sinh là giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng dự án dở dang của Dự án đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Pegasus Thăng Long. Tài sản đảm bảo này đã có quyết định thi hành án để thu hồi nợ của Pegasus Thăng Long. Công ty xác định mức tổn thất là toàn bộ chi phí của dự án đã phát sinh số tiền là 218.295.997.573 đồng. Do vậy, Công ty trích lập dự phòng số tiền là 102.253.226.773 đồng (bằng khoản tổn thất sau khi được bù trừ từ nguồn tiền nhận hợp tác kinh doanh từ Pegasus Thăng Long là 116.042.770.800 đồng). Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá không còn các nghĩa vụ phải trả phát sinh thêm liên quan đến Pegasus Thăng Long và liên quan đến Dự án Starcity Airport.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo soát xét ngày 28/8/2023 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán ngày 30/3/2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		235.236.933.737	239.899.379.809
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.425.329.447	61.689.028.669
1. Tiền	111		16.425.329.447	11.689.028.669
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.600.000.000	10.600.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.600.000.000	10.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.961.174.190	38.238.453.721
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	24.923.077.637	10.014.518.630
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	33.824.001.456	18.308.400.000
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	1.020.000.000	1.020.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	19.194.095.097	8.895.535.091
IV. Hàng tồn kho	140		120.788.275.223	120.595.125.229
1. Hàng tồn kho	141	5.7	223.041.501.996	222.848.352.002
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(102.253.226.773)	(102.253.226.773)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.462.154.877	8.776.772.190
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	65.085.036	108.801.817
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.178.484.083	2.449.384.615
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	6.218.585.758	6.218.585.758
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+240+250+260)	200		1.581.710.596.100	1.635.290.188.553
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		839.273.557.267	837.739.051.603
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	370.016.266.604	370.016.266.604
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	469.257.290.663	467.722.784.999
II. Tài sản cố định	220		747.343.919	844.288.807
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	744.060.586	836.277.474
- Nguyên giá	222		3.103.204.265	3.103.204.265
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.359.143.679)	(2.266.926.791)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.283.333	8.011.333
- Nguyên giá	228		397.208.682	397.208.682
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(393.925.349)	(389.197.349)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	738.776.729.986	789.713.379.498
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.590.008.918.018	1.590.158.718.018
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		78.664.700.000	78.664.700.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(937.803.188.032)	(887.016.338.520)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	7.906.300.000	7.906.300.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.912.964.928	6.993.468.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.856.071.236	6.936.574.953
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.12	56.893.692	56.893.692
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.816.947.529.837	1.875.189.568.362

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		153.727.779.858	183.071.460.445
I. Nợ ngắn hạn	310		153.727.779.858	183.071.460.445
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	8.068.326.484	7.573.274.139
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	16.580.190.488	582.964.702
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	130.011.142	249.354.683
4. Phải trả người lao động	314		683.431.765	1.603.012.535
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.882.423.718	1.923.923.718
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	125.271.558.003	124.724.588.170
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	-	45.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.111.838.258	1.414.342.498
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.663.219.749.979	1.692.118.107.917
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	1.663.219.749.979	1.692.118.107.917
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.493.439.505	4.493.439.505
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.329.814.592	6.329.814.592
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(347.603.504.118)	(318.705.146.180)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(318.705.146.180)	(505.997.402.208)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(28.898.357.938)	187.292.256.028
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.816.947.529.837	1.875.189.568.362
(440 = 300+400)				

Người lập biểu

Đỗ Lê Anh

Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	54.835.072.254	49.666.753.478
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		54.835.072.254	49.666.753.478
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	49.764.349.984	44.966.998.903
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.070.722.270	4.699.754.575
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	30.443.808.908	42.642.835.920
7. Chi phí tài chính	22	6.4	51.308.557.845	22.351.370.349
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		521.708.333	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	13.092.836.126	13.501.670.868
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(28.886.862.793)	11.489.549.278
11. Thu nhập khác	31	6.6	-	615.340
12. Chi phí khác	32	6.6	11.495.145	54.208.373
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(11.495.145)	(53.593.033)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(28.898.357.938)	11.435.956.245
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(28.898.357.938)	11.435.956.245

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Lê Anh

Phạm Tiến Thành



Lê Đình Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(28.898.357.938)	11.435.956.245
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		96.944.888	133.550.790
- Các khoản dự phòng	03		50.786.849.512	(111.691.304.079)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.443.808.908)	91.398.311.564
- Chi phí lãi vay	06		521.708.333	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.936.664.113)	(8.723.485.480)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.603.266.403)	(7.844.779.854)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(193.149.994)	126.030.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.437.115.320	69.957.664.640
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.124.220.498	3.398.903.317
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(302.504.240)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.474.248.932)	56.914.332.623
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(207.085.699.604)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		149.800.000	1.760.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.060.749.710	9.374.735.267
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.210.549.710	(195.950.964.337)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(45.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(45.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(45.263.699.222)	(139.036.631.714)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	61.689.028.669	373.161.988.546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	16.425.329.447	234.125.356.832

Người lập biểu

Đỗ Lê Anh

Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần One Capital Hospitality (tên gọi cũ là “Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH”) tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 17 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/05/2022.

Tên tiếng anh: One Capital Hospitality Joint Stock Company

Tên viết tắt: OCH JSC.

Vốn điều lệ theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 10/05/2022 là: 2.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn tỷ đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã OCH. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu OCH thuộc diện duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 342/QĐ-SGDHN và Thông báo số 1672/TB-SGDHN ngày 04/04/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 27 người (Tại ngày 31/12/2023 là 34 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi;
- Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

Công ty có 01 đơn vị phụ thuộc đang hoạt động là Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH tại Tầng 3 tòa nhà Grandeur Palace - Giảng Võ, 138B Giảng Võ, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)*Công ty đầu tư vào Công ty con và các Công ty liên kết như sau:*

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỉ lệ góp vốn	Tỉ lệ lợi ích	Tỉ lệ biểu quyết
Công ty con trực tiếp					
Công ty Cổ phần Tân Việt	Nha Trang	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	51,42%	51,42%	51,42%
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại bánh từ bột	50,77%	50,77%	50,77%
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	Hà Nội	Dịch vụ lưu trú	86,13%	86,13%	86,13%
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền (i)	Hà Nội	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	65,98%	99,81%	99,98%
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Nha Trang	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	100,00%	100,00%	100,00%
Quỹ đầu tư cơ hội đặc biệt Leadvisors (ii)	Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán	99,00%	99,51%	100,00%
Công ty TNHH Thực phẩm sạch JP	Son La	Chế biến, bảo quản thủy sản, thịt và các sản phẩm từ thủy sản, thịt	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty con gián tiếp					
Công ty TNHH Sản xuất Bình Hưng (iii) <i>Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bánh Givral</i>	Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê		50,77%	100,00%
Công ty Cổ phần Kem Tín Phát (iv) <i>Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền</i>	Hà Nội	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa		99,68%	99,87%
Công ty liên kết gián tiếp					
Công ty Cổ phần IDS Equity Holdings.	Hà Nội	Dịch vụ tài chính và Kinh doanh bất động sản		15,23%	30,00%

(i) Công ty sở hữu trực tiếp 65,98% và Công ty con của Công ty là Quỹ đầu tư cơ hội đặc biệt Leadvisors sở hữu 34% vốn góp tại Công ty Cổ phần kem Tràng Tiền;

(ii) Công ty sở hữu trực tiếp 99,00% và Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Bánh Givral sở hữu 1,00% vốn góp tại Quỹ đầu tư cơ hội đặc biệt Leadvisors;

(iii) Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Bánh Givral nắm giữ 100% vốn góp tại Công ty TNHH Sản xuất Bình Hưng;

(iv) Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền nắm giữ 99,87% vốn góp tại Công ty Cổ phần Kem Tín Phát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng. Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 04
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác (chi phí thiết kế nhãn hiệu, website) được ghi nhận ban đầu theo giá mua trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 03 - 10 năm

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập Báo cáo.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	177.256.384	9.720.468.485
Tiền gửi ngân hàng	16.248.073.063	1.968.560.184
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	50.000.000.000
Tổng	16.425.329.447	61.689.028.669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	10.600.000.000	10.600.000.000	10.600.000.000	10.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000
- Các khoản đầu tư khác (ii)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Dài hạn	7.906.300.000	7.906.300.000	7.906.300.000	7.906.300.000
- Các khoản đầu tư khác	7.906.300.000	7.906.300.000	7.906.300.000	7.906.300.000
Tổng	18.506.300.000	18.506.300.000	18.506.300.000	18.506.300.000
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đầu tư với các bên liên quan:</i>	<i>7.906.300.000</i>	<i>7.906.300.000</i>	<i>7.906.300.000</i>	<i>7.906.300.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 2,9%/năm.

(ii) Khoản mua nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/HĐMBN ngày 19/6/2023 giữa ông Tuấn (Bên A) và Công ty Cổ phần One Capital Hospitality (Bên B); Bên A chuyển giao quyền và nghĩa vụ khoản phải thu đối với Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (Viptour) cho bên B tương ứng với số tiền 20.300.000.000 đồng, không bao gồm số tiền 18.267.900.000 đồng trên tài khoản đồng sở hữu của OCH và Viptour. Khoản nợ này hình thành theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 05/HĐCN/OCH-Viptour ngày 16/5/2012 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Viptour - Togi giữa Viptour (Bên chuyển nhượng) và OCH (Bên nhận chuyển nhượng), tuy nhiên Hợp đồng này đã bị tuyên vô hiệu theo bản án sơ thẩm số 13/2024/KDTM-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, đồng thời bản án cũng đã yêu cầu Viptour phải hoàn trả cho OCH 20.300.000.000 đồng đã nhận và bồi thường thiệt hại cho OCH số tiền 15.259.760.274 đồng. Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật do các đương sự có đơn kháng cáo nên chưa có bất kỳ điều chỉnh nào được ghi nhận trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	24.923.077.637	10.014.518.630
Công ty Cổ phần Bánh Givral	23.986.528.208	7.758.342.428
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	-	1.334.176.773
Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang	14.550.000	-
Các đối tượng khác	921.999.429	921.999.429
Tổng	24.923.077.637	10.014.518.630
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>24.001.078.208</i>	<i>9.092.519.201</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.4. Trả trước cho người bán

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	33.824.001.456	18.308.400.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (i)	18.267.900.000	18.267.900.000
Công ty TNHH MTV Vĩnh Nghiệp	4.295.000.000	-
Công ty TNHH C&C	3.833.072.800	-
Các đối tượng khác	7.428.028.656	40.500.000
Tổng	33.824.001.456	18.308.400.000

(i) Khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng 3.853.010 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour - Togi (Công ty con), tương ứng với 19% số cổ phần của Công ty con này, trong đó số tiền 18.267.900.000 đồng đang được phong tỏa tại tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (tên gọi cũ là Công ty TNHH MTV Du lịch và Xúc tiến Đầu tư, tên viết tắt Viptour) mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Ocean Bank). Theo bản án sơ thẩm số 13/2024/KDTM-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội đã buộc Viptour phải phối hợp với OCH làm thủ tục giải tỏa số tiền 18.267.900.000 đồng và tiền lãi trong tài khoản phong tỏa số 00080048588100064 tại Ngân hàng TMCP Đại Dương hiện do hai Công ty đồng sở hữu để trả lại cho OCH.

5.5. Phải thu về cho vay*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.020.000.000	-	1.020.000.000	-
Công ty Cổ phần Kem Tín Phát (i)	1.020.000.000	-	1.020.000.000	-
Dài hạn	370.016.266.604	-	370.016.266.604	-
Công ty TNHH MTV Sao Hôm	90.016.266.604	-	90.016.266.604	-
Nha Trang (ii)				
Công ty Cổ phần Bánh Givral (iii)	280.000.000.000	-	280.000.000.000	-
Tổng	371.036.266.604	-	371.036.266.604	-

Trong đó:

Phải thu các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

371.036.266.604

-

371.036.266.604

-

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Kem Tín Phát vay theo Thỏa thuận hỗ trợ vay vốn số 01/2023/TTHTV/OCH-TINPHAT ngày 20 tháng 12 năm 2023 thời hạn hỗ trợ đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, số tiền 1.020.000.000 đồng, lãi suất cho vay 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 1.020.000.000 đồng. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo;

(ii) Khoản cho vay đối với Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang bao gồm các thỏa thuận sau:

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 05/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 31/03/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 07/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 01/06/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 08/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/06/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 09/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 28/07/2016 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn của khoản cho vay là 10 năm, lãi suất 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 21.187.637.392 đồng;

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15A/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 08/11/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15B/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 14/11/2016 và thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15C/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 29/11/2016 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 8.473.000.000 đồng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01-1/2017/TTHTV/OCH-SHNT ngày 04/01/2017 và thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2017/TTHTV/OCH-SHNT ngày 16/11/2017 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 7.098.000.000 đồng;
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2018/TTHTV/OCH-SHNT ngày 20/03/2018 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 11.500.000.000 đồng;
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2018/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/05/2018 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 2.500.000.000 đồng;
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2019/TTHTV/OCH-SHNT ngày 01/04/2019 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 2.000.000.000 đồng;
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2020/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/06/2020 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 22.431.929.608 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2022/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/03/2022, thời hạn hỗ trợ vốn đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 2.740.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2022/TTHTV/OCH-SHNT ngày 08/09/2022, thời hạn hỗ trợ vốn đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 4.600.000.000 đồng;
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 03/2022/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/11/2022, thời hạn hỗ trợ vốn đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 6.400.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 3105/2023/TTHTV/OCH-SHNT ngày 31/05/2023, giá trị hỗ trợ vốn là 4.570.154.300 đồng, thời hạn hỗ trợ vốn đến hết ngày 31/12/2026. Lãi suất hỗ trợ vốn là 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2024 là 1.085.699.604 đồng.

(iii) Khoản cho Công ty Cổ phần Bánh Givral vay theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 3107/HĐ HTV/OCH-GIVRAL ngày 31/07/2023 và phụ lục số 03/2023/PLHTV/OCH-GIVRAL, thời hạn hỗ trợ đến ngày 05/12/2033, lãi suất cho vay 4,75%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2024 là 280.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	19.194.095.097	-	8.895.535.091	-
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
Tạm ứng	6.994.966.013	-	1.001.759.541	-
Phải thu khác	12.194.129.084	-	7.888.775.550	-
- Phải thu cổ tức, lãi cho vay	440.192.328	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Bánh Givral	-	-	997.500.000	-
+ Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	-	-	3.461.041.667	-
+ Quỹ đầu tư cơ hội đặc biệt Leadvisors	-	-	1.850.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Kem Tín Phát	440.192.328	-	850.000	-
- Lãi dự thu tiền gửi	11.602.656.983	-	1.484.904.110	-
- Phải thu khác	151.279.773	-	94.479.773	-
Dài hạn	469.257.290.663	-	467.722.784.999	-
Ký cược, ký quỹ	428.920.318.890	-	438.520.318.890	-
- Công ty TNHH Complex Phương Bắc	520.318.890	-	520.318.890	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (i)	428.400.000.000	-	438.000.000.000	-
Phải thu tiền lãi hỗ trợ vay vốn	40.336.971.773	-	29.202.466.109	-
- Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	32.615.582.885	-	29.202.466.109	-
- Công ty Cổ phần Bánh Givral	7.721.388.888	-	-	-
Tổng	488.451.385.760	-	476.618.320.090	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>40.777.164.101</i>	<i>-</i>	<i>35.511.857.776</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

(i) Là các hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần One Capital Hospitality tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình, thời hạn từ 12 tháng và 12 tháng 2 ngày, lãi suất 4,8%/năm đã được cầm cố theo các hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Cổ phần Bánh Givral (Công ty con).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.7. Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	218.295.997.573	(102.253.226.773)	218.295.997.573	(102.253.226.773)
Hàng hóa (không bao gồm hàng hóa bất động sản)	226.109.994	-	32.960.000	-
Hàng hóa bất động sản (ii)	4.519.394.429	-	4.519.394.429	-
Tổng	223.041.501.996	(102.253.226.773)	222.848.352.002	(102.253.226.773)

(i) Là chi phí phát sinh của dự án đầu tư xây dựng khách sạn và văn phòng cho thuê tại số 1 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh (Dự án Starcity Airport). Dự án này được hợp tác với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Đại Dương Xanh (nay là Công ty TNHH Pegasus Thăng Long "Pegasus Thăng Long"), số tiền nhận góp vốn đầu tư đến 30/6/2024 là 116.042.770.800 đồng, tỷ lệ góp vốn của Pegasus Thăng Long là 60%. Toàn bộ chi phí phát sinh của Dự án lũy kế đến ngày 30/6/2024 là 218.295.997.573 đồng là giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng dự án dở dang của Dự án đã được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay của Pegasus Thăng Long. Công ty xác định mức tổn thất là toàn bộ chi phí của dự án đã phát sinh số tiền là 218.295.997.573 đồng. Do vậy, Công ty trích lập dự phòng số tiền là 102.253.226.773 đồng (bằng khoản tổn thất sau khi được bù trừ từ nguồn tiền nhận hợp tác kinh doanh từ Pegasus Thăng Long là 116.042.770.800 đồng). Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá không còn các nghĩa vụ phải trả phát sinh thêm liên quan đến Pegasus Thăng Long và liên quan đến Dự án Starcity Airport.

5.8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	65.085.036	108.801.817
Chi phí công cụ dụng cụ	14.651.949	16.136.250
Chi phí chờ phân bổ	50.433.087	92.665.567
Dài hạn	2.856.071.236	6.936.574.953
Công cụ dụng cụ xuất dùng	128.196.105	126.709.740
Chi phí sửa chữa, nâng cấp văn phòng	380.206.845	998.459.619
Chi phí tư vấn	1.157.407.401	4.629.629.625
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.190.260.885	1.181.775.969
Tổng	2.921.156.272	7.045.376.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2024	586.593.900	2.360.455.819	156.154.546	3.103.204.265
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	586.593.900	2.360.455.819	156.154.546	3.103.204.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2024	586.593.900	1.545.778.345	134.554.546	2.266.926.791
Tăng trong kỳ	-	81.416.888	10.800.000	92.216.888
Khấu hao trong kỳ	-	81.416.888	10.800.000	92.216.888
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	586.593.900	1.627.195.233	145.354.546	2.359.143.679
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2024	-	814.677.474	21.600.000	836.277.474
Tại 30/6/2024	-	733.260.586	10.800.000	744.060.586

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 1.704.276.992 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 634.748.446 đồng).

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Chi phí thiết kế nhãn hiệu, website	Chương trình phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2024	235.928.682	161.280.000	397.208.682
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	235.928.682	161.280.000	397.208.682
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2024	235.928.682	153.268.667	389.197.349
Tăng trong kỳ	-	4.728.000	4.728.000
Khấu hao trong kỳ	-	4.728.000	4.728.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	235.928.682	157.996.667	393.925.349
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024	-	8.011.333	8.011.333
Tại 30/6/2024	-	3.283.333	3.283.333

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 349.928.682 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 349.928.682 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/6/2024		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào Công ty con			1.590.008.918.018		1.590.158.718.018		
Công ty Cổ phần Tân Việt	51,42%	51,42%	109.493.338.104		109.493.338.104		(819.318.677.158)
Công ty Cổ phần Bánh Givral	50,77%	50,77%	337.264.960.000		337.264.960.000		(24.975.448.768)
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	86,13%	86,13%	347.294.600.000		347.294.600.000		-
Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiên	65,98%	99,98%	106.090.667.300		106.090.667.300		(248.701.593.272)
Công ty TNHH MTV Sao Hôn Nha Trang	100,00%	100,00%	590.665.352.614		590.665.352.614		-
Quỹ đầu tư cơ hội đặc biệt Leadvisors	99,00%	100,00%	99.000.000.000		99.000.000.000		(545.487.794.742)
Công ty Cổ phần Kem Tin Phát (i)	99,87%	99,87%	-		149.800.000		-
Công ty TNHH Thực phẩm sạch JP	100,00%	100,00%	200.000.000		200.000.000		(149.800.000)
							(4.040.376)
Đầu tư dài hạn khác			78.664.700.000		78.664.700.000		
Công ty CP Kỹ thuật và vật liệu xây dựng			4.423.700.000		4.423.700.000		(67.697.661.362)
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	13,50%	13,50%	74.241.000.000		74.241.000.000		(4.423.700.000)
							(63.273.961.362)
Tổng			1.668.673.618.018	(ii)	1.668.823.418.018	(ii)	(887.016.338.520)

(i) Trong kỳ, Công ty thoái vốn Công ty Cổ phần Kem Tin Phát theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 100/2023/NK-19-24/NQ-HĐQT-OCH ngày 29/08/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc thoái hoặc cơ cấu vốn đầu tư của OCH tại các Công ty, dự án có giá vốn đầu tư dưới 35% tổng tài sản của OCH được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gần nhất, đảm bảo không thấp hơn giá trị sổ sách.

(ii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dài hạn	56.893.692	56.893.692
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	56.893.692	56.893.692
Tổng	56.893.692	56.893.692

5.13. Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	8.068.326.484	8.068.326.484	7.573.274.139	7.573.274.139
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất in Hoàng An	-	-	1.297.086.480	1.297.086.480
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thực phẩm Ngon	702.533.319	702.533.319	878.825.037	878.825.037
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Huyền Linh	1.343.726.397	1.343.726.397	351.502.416	351.502.416
Các đối tượng khác	6.022.066.768	6.022.066.768	5.045.860.206	5.045.860.206
Tổng	8.068.326.484	8.068.326.484	7.573.274.139	7.573.274.139

Trong đó:

*Phải trả các bên liên quan**(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

43.741.220

43.741.220

9.094.900

9.094.900

5.14. Người mua ứng tiền trước ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	16.580.190.488	582.964.702
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	15.997.225.786	-
Các đối tượng khác	582.964.702	582.964.702
Tổng	16.580.190.488	582.964.702

Trong đó:

*Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

15.997.225.786

-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.15. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
Phải nộp	249.354.683	451.053.320	570.396.861	130.011.142
Thuế thu nhập cá nhân	249.354.683	450.709.360	570.253.646	129.810.397
Lệ phí môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	343.960	143.215	200.745
Phải thu	6.218.585.758	-	-	6.218.585.758
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.218.585.758	-	-	6.218.585.758

5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	1.882.423.718	1.923.923.718
Chi phí điện nước	1.686.060.082	1.686.060.082
Chi phí phải trả khác	196.363.636	237.863.636
Tổng	1.882.423.718	1.923.923.718
<i>Trong đó: Phải trả các bên liên quan</i>	<i>117.828.434</i>	<i>117.828.434</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>		

5.17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	125.271.558.003	124.724.588.170
Kinh phí công đoàn	32.122.800	5.691.300
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.273.628.372	5.273.628.372
Bảo hiểm thất nghiệp	54.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	119.965.752.831	119.445.268.498
Công ty TNHH Pegasus Thăng Long (i)	116.042.770.800	116.042.770.800
Phải trả phải nộp khác	3.922.982.031	3.402.497.698
Tổng	125.271.558.003	124.724.588.170
<i>Trong đó: Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.871.494.188</i>	<i>1.349.785.855</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>		

(i): Là khoản nhận góp vốn đầu tư theo hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Đại Dương Xanh (nay là Công ty TNHH Pegasus Thăng Long), số tiền nhận góp vốn đầu tư đến 30/6/2024 là 116.042.770.800 đồng, tỷ lệ góp vốn của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long là 60%, các bên góp vốn có quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Dự án đã dừng thi công theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 41/2015/NQ-HĐQT ngày 29/10/2015. Công ty xác định mức tổn thất là toàn bộ chi phí của dự án đã phát sinh số tiền là 218.295.997.573 đồng. Do vậy, Công ty trích lập dự phòng số tiền là 102.253.226.773 đồng (bằng khoản tổn thất sau khi được bù trừ từ nguồn tiền nhận hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Pegasus Thăng Long là 116.042.770.800 đồng. Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá không còn các nghĩa vụ phải trả phát sinh thêm liên quan đến Công ty TNHH Pegasus Thăng Long và liên quan đến Dự án Starcity Airport.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18. Vay và nợ thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Bánh Givral	-	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Tổng				45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
<i>Trong đó:</i>						
Vay bên liên quan:	-	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)						

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Số dư tại 01/01/2023	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(504.586.902.139)	1.506.236.351.958
Lãi trong năm trước	-	-	-	187.292.256.028	187.292.256.028
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.410.500.069)	(1.410.500.069)
Số dư tại 31/12/2023	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(318.705.146.180)	1.692.118.107.917
Số dư tại 01/01/2024	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(318.705.146.180)	1.692.118.107.917
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(28.898.357.938)	(28.898.357.938)
Số dư tại 30/6/2024	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(347.603.504.118)	1.663.219.749.979

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	1.111.945.520.000	1.111.945.520.000
Vốn góp của đối tượng khác	888.054.480.000	888.054.480.000
Tổng	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Mẫu số B 09a - DN

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà NộiBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ**a. Nợ khó đòi đã xử lý**

Tên đối tượng	Năm xử lý	Giá trị (VND)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		2.047.273.687
- Công ty Cổ phần Sở giao dịch Hàng hóa Info	2022	471.500.857
- Công ty Cổ phần Truyền thông TV shopping	2022	557.377.711
- Phải thu ngắn hạn các đối tượng khác	2022	1.018.395.119
Phải thu ngắn hạn khác		844.370.612.374
- Ông Hà Trọng Nam	2022	586.131.347.928
- Bà Hứa Thị Bích Hạnh	2022	56.794.444.446
- Công ty TNHH VNT	2022	201.200.820.000
- Phải thu ngắn hạn các đối tượng khác	2022	244.000.000
Phải thu dài hạn khác		6.255.083.564
- Đinh Thị Chang Nhung	2022	2.868.400.000
- Nguyễn Khoa Điền	2022	3.189.855.564
- Đặng Minh Lệ	2022	196.828.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2022	86.000.000
Tổng		852.758.969.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	54.801.844.982	48.782.141.601
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.227.272	884.611.877
Tổng	54.835.072.254	49.666.753.478
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>54.815.072.254</i>	<i>48.626.200.927</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa	49.760.710.747	44.439.659.775
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.639.237	527.339.128
Tổng	49.764.349.984	44.966.998.903

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.145.273.508	19.513.737.850
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.298.535.400	23.129.098.070
Tổng	30.443.808.908	42.642.835.920
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>19.874.883.392</i>	<i>30.900.418.880</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	521.708.333	-
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	50.941.964.431	24.109.843.405
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(155.114.919)	(135.801.147.484)
Lỗ thanh lý khoản đầu tư	-	134.041.147.484
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	1.526.944
Tổng	51.308.557.845	22.351.370.349
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí tài chính với các bên liên quan:</i>	<i>521.708.333</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.092.836.126	13.501.670.868
Chi phí nhân viên quản lý	5.632.390.544	5.706.410.549
Chi phí đồ dùng văn phòng	70.670.850	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	96.944.888	133.550.790
Thuế phí và lệ phí	35.859.864	48.150.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.389.495.277	6.753.301.051
Chi phí bằng tiền khác	867.474.703	860.258.305
Tổng	13.092.836.126	13.501.670.868

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	-	615.340
Tổng	-	615.340
Chi phí khác		
Chi phí khác	11.495.145	54.208.373
Tổng	11.495.145	54.208.373
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(11.495.145)	(53.593.033)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(28.898.357.938)	11.435.956.245
Các khoản điều chỉnh tăng	11.495.145	-
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN</i>	<i>11.495.145</i>	
Các khoản điều chỉnh giảm	-	23.129.098.070
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>-</i>	<i>23.129.098.070</i>
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế TNDN	(28.886.862.793)	(11.693.141.825)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân công	5.632.390.544	5.706.410.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.944.888	133.550.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.393.134.514	7.264.072.266
Chi phí khác bằng tiền	974.005.417	908.408.478
Tổng	13.096.475.363	14.012.442.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương
Công ty Cổ phần Tân Việt
Công ty Cổ phần Bánh Givral
Công ty Cổ phần Viptour - Togi
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang
Quỹ đầu tư cơ hội đặc biệt Leadvisors
Công ty TNHH Thực phẩm sạch JP
Công ty Cổ phần Kem Tín Phát
Công ty TNHH Sản xuất Bình Hưng
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long
Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Thiên nhiên Đại dương
Công ty Cổ phần Sở giao dịch hàng hóa INFO
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản TKD Việt Nam
Công ty Cổ phần IDS Equity Holdings.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty con trực tiếp
Công ty con trực tiếp
Công ty con trực tiếp
Công ty con trực tiếp
Công ty con trực tiếp
Công ty con trực tiếp
Công ty con trực tiếp
Công ty con trực tiếp
Công ty con gián tiếp
Công ty con gián tiếp
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Công ty liên kết gián tiếp

Ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Lương, thù lao và thưởng	1.471.034.500	1.474.000.000

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thù lao và thưởng thành viên Hội đồng Quản trị		360.500.000	360.000.000
Nguyễn Thu Hằng	Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)	120.500.000	120.000.000
Huỳnh Minh Việt	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Dũng Minh	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Chính Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/05/2024)	44.347.800	60.000.000
Đình Hoài Nam	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)	60.000.000	60.000.000
Hoàng Thị Thùy Vân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/05/2024)	15.652.200	-
Thù lao và thưởng thành viên Ban Kiểm soát		121.500.000	120.000.000
Dương Thị Mai Hương	Trưởng ban (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)	60.500.000	60.000.000
Trần Thị Kim Oanh	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)	30.500.000	30.000.000
Lê Thị Bích Hạnh	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2024)	30.500.000	30.000.000
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác		989.034.500	994.000.000
Ông Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	603.432.000	602.000.000
Ông Hà Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	385.602.500	392.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Mẫu số B 09a - DN

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà NộiBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Bán hàng			54.815.072.254	48.626.200.927
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	28.715.157.883	27.572.895.423
Công ty Cổ phần Kem Trảng Tiền	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	26.086.687.099	21.053.305.504
Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang	Công ty con	Cho thuê căn hộ	13.227.272	-
Mua hàng			112.182.726	79.843.371
Công ty Cổ phần Kem Trảng Tiền	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	38.953.953	25.936.369
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	31.391.207	53.907.002
Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	41.837.566	-
Cho vay			-	101.085.699.604
Công ty Cổ phần Kem Trảng Tiền	Công ty con	Cho vay	-	100.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang	Công ty con	Cho vay	-	1.085.699.604
Doanh thu tài chính			19.874.883.392	30.900.418.880
Công ty Cổ phần Kem Trảng Tiền	Công ty con	Cổ tức được chia	-	23.129.098.070
	Công ty con	Lãi cho vay	-	2.418.333.334
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	Công ty con	Lãi cho vay	-	1.992.552.202
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Công ty con	Lãi cho vay	3.413.116.776	3.360.435.274
Công ty Cổ phần Kem Tín Phát	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	439.342.328	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	Lãi cho vay	6.723.888.888	-
Quỹ đầu tư cơ hội đặc biệt Leadvisors	Công ty con	Cổ tức	9.298.535.400	-
Chi phí tài chính			521.708.333	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	Lãi vay	521.708.333	-
Trả nợ gốc vay			45.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	Trả nợ vay	45.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Mẫu số B 09a - DN

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng			24.001.078.208	9.092.519.201
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	23.986.528.208	7.758.342.428
Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiềm	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	-	1.334.176.773
Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang	Công ty con	Cho thuê căn hộ	14.550.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			7.906.300.000	7.906.300.000
Công ty Cổ phần Kem Tín Phát	Công ty con	Mua lại khoản vay của công ty con	7.906.300.000	7.906.300.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn			1.020.000.000	1.020.000.000
Công ty Cổ phần Kem Tín Phát	Công ty con gián tiếp	Phải thu về cho vay	1.020.000.000	1.020.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn			370.016.266.604	370.016.266.604
Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang	Công ty con	Phải thu về cho vay	90.016.266.604	90.016.266.604
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	Phải thu về cho vay	280.000.000.000	280.000.000.000
Phải thu khác ngắn hạn			8.161.581.216	6.309.391.667
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	7.721.388.888	997.500.000
Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiềm	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	-	3.461.041.667
Quỹ đầu tư cơ hội đặc biệt Leadvisors	Công ty con	Phải thu cổ tức	-	1.850.000.000
Công ty Cổ phần Kem Tín Phát	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	440.192.328	850.000
Phải thu khác dài hạn			32.615.582.885	29.202.466.109
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Công ty con	Lãi hỗ trợ vay vốn	32.615.582.885	29.202.466.109
Phải trả người bán			43.741.220	9.094.900
Công ty Cổ phần Bánh Givral - Chi nhánh Hà Nội	Công ty con	Mua hàng	411.750	2.899.900
Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang	Công ty con	Mua hàng	43.329.470	6.195.000
Người mua trả tiền trước			15.997.225.786	-
Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiềm	Công ty con	Ứng trước tiền hàng	15.997.225.786	-
Chi phí phải trả			117.828.434	117.828.434
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	Mua hàng	117.828.434	117.828.434
Phải trả khác			1.871.494.188	1.349.785.855
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	Lãi vay	1.067.958.333	546.250.000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	Phải trả khác	803.535.855	803.535.855
Vay ngắn hạn			-	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	Vay	-	45.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh phía Bắc.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh phía Bắc.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Lê Anh

Phạm Tiến Thành

Lê Đình Quang